TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày: 05/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyến;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Biên và bà Hoàng Thị Chính.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Chính- Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thư-Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2017/TLST- HS ngày 08/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 804/2017/QĐXXST-HS ngày 14/12/2017 đối với bị cáo:

Phan Xuân N, sinh ngày 30/4/1975, tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: Số 65 P, P 6, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tổ 27, Cụm 4, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phan Thanh M và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/9/2017 đến ngày 08/9/2017 được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Số 11/16/76 đường T H, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Số 66 B, Ngõ 58 đường T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Chị Trần Thị L, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ 27, Cụm 4, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; *có mặt.*

- Người tham gia tố tụng khác - người làm chứng:

Chị Vũ Thị L, sinh năm 1981 và anh Trịnh Khắc T, sinh năm 1980;

Cùng nơi cư trú: Số 20/16/76 đường T H, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 8/2017, Phan Xuân N (N) tìm hiểu qua mạng internet biết thông tin chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1984, cư trú tại: Số 11/16/76 đường T H, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng đăng tin bán nhà. N điện thoại hẹn đến gặp chị V để xem nhà với mục đích lợi dụng sơ hở sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trưa ngày 01/9/2017, N đến nhà chị V gặp gỡ và trao đổi qua với chị V nhưng do chị V có việc bận nên hẹn N đến buổi chiều quay lại. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô BKS 15B2-52163 đến nhà chị V, N dựng xe dưới lòng đường trước cửa nhà chị V và vẫn cắm khóa ở ổ xe. Sau đó N đi vào trong nhà, xem xét, trao đổi với chị V và phát hiện thấy dưới chân máy khâu có để 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại OPPO F3 golden đang cắm sạc. N bảo chị V đi lên tầng hai bật đèn để N nhìn vị trí giáp ranh với nhà bên cạnh. Khi chị V đi lên tầng hai, N liền rút sạc và cất hai chiếc điện thoại vào túi quần rồi lên xe bỏ đi. Khi N vừa lên xe nổ máy thì chị Vũ Thị Lành là hàng xóm có nhà ở đối diện với nhà chị V hỏi N: "*lấy cái gì của người ta đấy?*". N không nói gì phóng xe đi được khoảng 10 mét, chị Lành hô hoán mọi người bắt giữ được N. Sợ bị mọi người đánh đập nên N chạy quay lại nhà chị V trả lại 02 chiếc điện thoại và nói với chị V: "*em đùa chị, em trả lại chị*". Sau đó N bị Công an bắt giữ quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại OPPO F3 golden. Đồng thời Công an thu giữ của N 01 xe mô tô BKS 15B2-52163; 01 đồng hồ kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư nhân dân số 031384825 đều mang tên Phan Xuân N; 01 đăng ký xe mô tô BKS 15B2-31613 mang tên Ngô Văn D, 01 đăng ký xe mô tô BKS 15B2-52163 mang tên Bùi Minh Đ; 01 ví da màu nâu bên trong có 14.290.000 đồng; 01 điện thoại Nokia C1; 01 điện thoại Samsung màu nâu vàng.

Cùng ngày, chị Nguyễn Thị Thanh V có đơn trình báo Công an về sự việc bị mất 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại OPPO F3 golden.

Ngày 02/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an quận K tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Xuân N nhưng không thu giữ được gì liên quan đến vụ án.

Tại cơ quan điều tra Phan Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra N còn khai nhận lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 31/8/2017 như sau:

Cũng với phương pháp, thủ đoạn tương tự như trên, khi biết chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1991, cư trú tại: Số nhà 66B, ngõ 58 T, đường L, quận K, thành phố Hải Phòng có nhu cầu bán nhà, vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 31/8/2017, N đi xe mô tô BKS 15B2-52163 đến nhà chị T. Trong khi trao đổi việc mua bán nhà với chị T, lợi dụng sơ hở N đã chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 4 và 01 chiếc điện thoại Iphone 6s của chị T. Ngày 01/9/2017 N mang 02 chiếc điện thoại này bán cho một người không quen biết với giá 1.600.000 đồng.

Kết luận định giá số 27 ngày 05/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K kết luận: Tổng giá trị tài sản mà Phan Xuân N đã chiếm đoạt của chị V gồm 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại OPPO F3 golden đã qua sử dụng là 7.300.000 đồng.

Kết luận định giá số 35 ngày 3/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K kết luận: Tổng giá trị tài sản mà Phan Xuân N đã chiếm đoạt của chị T gồm 02 chiếc điện thoại Iphone 4 và Iphone 6s đã qua sử dụng là 7.500.000 đồng.

Về vật chứng, ý kiến của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại những tài sản đã thu hồi được là 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại OPPO F3 golden cho chị V. Hai chiếc điện thoại N chiếm đoạt của chị T không thu hồi được, quá trình điều tra N đã tự nguyện dùng số tiền 14.290.000 đồng bị thu giữ để bồi thường cho chị T. Chị T và chị V đều không còn yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo.

Số tài sản thu giữ của N hiện Cơ quan Thi hành án dân sự quận K đang quản lý gồm: 01 xe mô tô BKS 15B2-52163, 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 15B2-52163 mang tên Bùi Minh Đ; 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 15B2-31613 mang tên Ngô Văn D, 01 đồng hồ kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 Giấy phép lái xe mang tên Phan Xuân N, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Xuân N; 01 ví da màu nâu; 01 điện thoại Nokia C1; 01 điện thoại Samsung màu nâu vàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chị Trần Thị L là người chung sống như vợ chồng với N, trình bày: 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 15B2-31613 mang tên Ngô Văn D, 01 xe mô tô BKS 15B2-52163, 01 đăng ký xe mô tô BKS 15B2-52163 mang tên Bùi Minh Đông, ông Đông và ông D đã bán xe mô tô BKS 15B2-52163 kèm giấy đăng ký xe cho cửa hàng mua bán xe Liên Cảm, cửa hàng đã bán lại xe và giấy đăng ký xe này cho chị. Chị Lê không biết việc N lấy xe làm phương tiện trộm cắp tài sản, chị có nguyện vọng được nhận lại xe mô tô và 02 giấy đăng ký xe nêu trên.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 07/12/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã truy tố Phan Xuân N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã như trên. Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin được cải tạo ngoài xã hội.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Lê trình bày như lời khai tại Cơ quan điều tra.

Các bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh V, chị Trần Thị Phương T và những người làm chứng là chị Vũ Thị L và anh Trịnh Khắc T đều đã được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của họ và một số tài liệu khác trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau quá trình thẩm vấn, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo;

Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Xuân N phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Về mức hình phạt: Xử phạt Phan Xuân N mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại đã được nhận lại tài sản bị mất và được bồi thường đầy đủ nên không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 31/8/2017, tại nhà chị Trần Thị Phương T ở số nhà 66B, Ngõ 58 đường T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng và vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 01/9/2017, tại nhà chị Nguyễn Thị Thanh V ở số nhà 11/16/76 đường T H, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị V và chị T, Phan Xuân N đã lén lút chiếm đoạt 04 điện thoại di động có tổng trị giá 14.800.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 31/8/2017 bị cáo chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của chị T, tiếp đó ngày 01/9/2017 bị cáo lại chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của chị V, vậy nên thuộc trường hợp "*phạm tội nhiều lần*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngày 01/9/2017, khi bị Công an quận K, Hải Phòng bắt giữ quả tang về hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Thanh V ở số 11/16/76 đường T H, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, N đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội trước đó vào ngày 31/8/2017, tại nhà chị Trần Thị Phương T ở số 66B, ngõ 58 T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng nên được xác định là "tự thú" đối với việc tự mình nhận tội. Tài sản bị trộm cắp đã thu hồi được một phần trả lại cho người bị hại, phần còn lại bị cáo cũng đã nộp tiền để khắc phục hậu quả, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Phan Xuân N chưa có tiền án tiền sự, phạm vào tội ít nghiêm trọng, chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa, đồng thời thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự trong vụ án: Bị hại là chị Trần Thị Phương T đã được bồi thường tài sản bị mất và chị Nguyễn Thị Thanh V đã được nhận lại tài sản bị

mất và đều không còn yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01Giấy đăng ký xe mô tô BKS 15 B2-31613 mang tên chủ xe là Ngô Văn D và xe mô tô BKS 15B2-52163, 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 15B2-52163 mang tên Bùi Minh Đ, ông Đ và ông D đều đã bán xe mô tô BKS 15B2-52163 kèm giấy đăng ký xe cho cửa hàng mua bán xe Liên Cảm, cửa hàng đã bán lại xe và giấy đăng ký xe này cho chị Trần Thị L. Chị L không biết việc N sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cũng trong quá trình điều tra xác định nội dung N và chị L trình bày về 02 chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô nêu trên là có cơ sở nên cần trả lại xe và 02 Giấy đăng ký xe cho chị Trần Thị L theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đối với 01 Giấy phép lái xe số 310127005113 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031384825 đều mang tên Phan Xuân N, 01 ví da màu nâu, 01 đồng hồ kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng, 01 điện thoại Samsung màu nâu vàng là tài sản riêng của N, không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho N theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia C1 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[9] Trong vụ án này việc Cơ quan điều tra Công an quận K và Viện Kiểm sát nhân dân quận K thu giữ và bảo quản đối với 01 nhẫn và 01 dây chuyền của Phan Xuân N là chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 75 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 (Nay là điểm b khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015). Bởi lẽ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện 01 nhẫn và 01 dây chuyền thu giữ của Phan Xuân N đều là vàng chứ không phải kim loại màu vàng.

Các hành vi, quyết định tố tụng khác của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K trong quá trình điều tra, truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với người đàn ông không quen biến có tên là Tiến mua điện thoại di động của N do trộm cắp được mà có, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không xử lý là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 138, điểm b,o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 60 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Xuân N phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Bị cáo Phan Xuân N 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24(Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phan Xuân N cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Xuân N 5.000.000 (Năm triệu) đồng và trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2010/4007 ngày 05/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng (Biên lai này do chị Trần Thị Lê là người chung sống như vợ chồng với bị cáo Phan Xuân N nộp thay).

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 trả lại cho chị Trần Thị L: 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 15 B2 - 31613 mang tên chủ xe là Ngô Văn D, 01 mô tô BKS 15B2-52163 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 15B2-52163 mang tên Bùi Minh Đ.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 trả lại cho bị cáo Phan Xuân N: 01 Giấy phép lái xe số 310127005113 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031384825 đều mang tên Phan Xuân N, 01 ví da màu nâu, 01 đồng hồ kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng, 01 điện thoại Samsung màu nâu vàng.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia C1.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K).

Áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo Phan Xuân N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh V và chị Trần Thị Phương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Công an quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- THA Hình sự quận K;
- UBND phường Đ, quận N, TP. Hải Phòng.
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyến